

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2023/DS-ST**
Ngày: 12/4/2023
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Khương.

Bà Nguyễn Hải Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Lâm Sễn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 170/2022/TLST-DS ngày 07/10/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST - DS ngày 17/02/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (A1).**

Địa chỉ trụ sở: **Tầng A, 2, 3 Tòa nhà G, C H, phường Ô, quận Đ, thành phố Hà Nội.**

Địa chỉ liên hệ: **Số A P, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đào Mạnh K** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Q** - chức vụ: Trưởng ban Xử lý nợ (theo *Văn bản ủy quyền số 23/UQ-HĐQT.21 ngày 01/10/2021 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần A*).

Người được ủy quyền lại: Ông **Dương Đồng T** - chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ- Ban xử lý nợ- **Ngân hàng Thương mại Cổ phần A**. Địa chỉ: **A P, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh** (theo *Giấy ủy quyền số 279/UQ-TGD.22 ngày 18/7/2022*) (Có mặt)

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ H, ấp S, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Dương Đồng T trình bày và yêu cầu như sau:

Vào ngày 30/5/2018, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (A1) có ký kết Hợp đồng cho vay từng lần số 120/18/TD/XXIII với bà Nguyễn Thị H với số tiền vay là 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng).

Mục đích vay: Tài trợ mua xe Ô tô giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018718 cấp ngày 11/5/2018. Xe TOYOTA VIOS màu trắng, biển kiểm soát 68A-093.53. Thời hạn vay 84 tháng (kể từ ngày 30/5/2018).

Lãi suất vay: 8.79%/năm, được quy định cụ thể trong giấy nhận nợ số 120/18/TD/XXIII ngày 30/5/2018; Lãi quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi chậm trả: nợ gốc quá hạn x 50% lãi suất trong hạn x số ngày quá hạn.

Để bảo đảm khoản tiền vay, bà H đã ký với A1 Hợp đồng thế chấp tài sản số 120/18/TC/XXIII ngày 30/5/2018 và tài sản thế chấp là ô tô con nhãn hiệu TOYOTA VIOS E màu trắng sản xuất năm 2018, biển kiểm soát 68A – 093.53 bà H đứng tên chủ sở hữu, số máy 2NRX310687, số khung 9F34J5039169 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018718 do Phòng C Công an tỉnh K cấp lần đầu vào ngày 11/5/2018. Hợp đồng thế chấp được đăng ký biện pháp đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 30/5/2018.

Sau khi A1 giải ngân số tiền vay 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng) cho bà H thì trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho A1. Tính đến ngày 20/6/2022, bà H còn nợ A1 số tiền vay gốc là 264.149.866 đồng và lãi phát sinh là 83.113.653 đồng.

Do đó, A1 khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán cho A1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/6/2022 là 347.263.519 đồng (trong đó: nợ gốc 264.149.866 đồng và nợ lãi tạm tính 83.113.653 đồng) và bà H còn phải thanh toán số tiền lãi phát sinh từ ngày 21/6/2022 theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Hợp đồng cho vay từng lần và G nhận nợ đã ký kết với A1 vào ngày 30/5/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp, bà H không trả hoặc trả không đủ nợ, A1 có quyền phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 120/18/TC/XXIII ngày 30/5/2018. Sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm nêu trên mà không đủ để tất toán khoản vay thì bà H sẽ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết đã ký với A1 tại Hợp đồng số 120/18/TD/XXIII ngày 30/5/2018 cho đến khi trả hết số nợ còn lại.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H không có lời trình bày.*

** Tại phiên tòa:*

- Ông T (Đại diện ủy quyền của nguyên đơn): Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của A1 đối với bà Nguyễn Thị H. Buộc bà H phải thanh toán cho A1 tổng số tiền 380.628.281 đồng (Ba trăm tám mươi triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm tám mươi mốt đồng). Trong đó, số tiền gốc là 264.149.866 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 11/4/2023 là 77.130.611 đồng (lãi trong hạn) và 39.347.804 đồng (lãi quá hạn).

Buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho A1 số tiền lãi phát sinh sau ngày 11/4/2023 theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Hợp đồng số 120/18/TD/XXIII và Giấy nhận nợ đã ký kết với A1 ngày 30/5/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị H không trả hoặc trả không đủ nợ, A1 có quyền phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 120/18/TC/XXIII ngày 30/5/2018. Sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm nêu trên mà không đủ để tất toán khoản vay thì bà Nguyễn Thị H sẽ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng cam kết đã ký với A1 cho đến khi bà H trả hết số nợ còn lại.

- Bà H: Vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay, phía bị đơn bà Nguyễn Thị H không tham gia các phiên họp, phiên tòa sơ thẩm theo triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của A1, buộc bà Nguyễn Thị H phải trả nợ theo yêu cầu của A1 và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (A1) về việc buộc bị đơn (bà Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại tổ H, ấp S, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang) thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà bị đơn còn nợ nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bà H không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. HĐXX xét thấy, việc vắng mặt của bà H không vì sự kiện bất khả kháng hay do điều kiện khác quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2] *Về nội dung trong vụ án*: Vào ngày 30/5/2018, A1 có ký kết Hợp đồng cho vay từng lần số 120/18/TD/XXIII với bà Nguyễn Thị H với số tiền vay gốc là 370.000.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi triệu đồng*), số tiền vay bà H sử dụng vào mục đích mua xe Ô tô giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018718 cấp ngày 11/5/2018. Xe TOYOTA VIOS màu trắng, biển kiểm soát 68A-093.53. Thời hạn vay 84 tháng (*kể từ ngày 30/5/2018*), hợp đồng có thỏa thuận lãi suất và để bảo đảm khoản tiền vay, bà H đã thế chấp tài sản cho A1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 120/18/TC/XXIII ngày 30/5/2018.

Sau khi A1 giải ngân số tiền vay cho bà H đến nay, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ dẫn đến nợ quá hạn. A1 đã tạo mọi điều kiện cho bà H để có thời gian trả nợ nhưng đến nay bà H vẫn không thực hiện được nên A1 khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền vay gốc còn nợ và tiền lãi phát sinh cho A1.

2.1 HĐXX xét thấy, lời trình bày và yêu cầu của đại diện A1 tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp với nhau. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ cho thấy, giữa A1 và bà Nguyễn Thị H có ký kết Hợp đồng ho vay từng lần số 120/18/TD/XXIII ngày 30/5/2018 để bà H vay số tiền gốc là 370.000.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi triệu đồng*) và để đảm bảo cho khoản vay, 02 bên đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số 120/18/TC/XXIII ngày 30/5/2018, trong quá trình thực hiện hợp đồng vay bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho A1. Tính đến ngày 11/4/2023, bà H còn nợ A1 tổng số tiền 380.628.281 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm tám mươi mốt đồng*), trong đó số tiền gốc là 264.149.866 đồng, tiền lãi trong hạn là 77.130.611 đồng và tiền lãi quá hạn là 39.347.804 đồng là có thật.

2.2 Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các Thông báo nêu rõ yêu cầu của A1 đến bà H được biết nhưng đến nay bà H không gửi ý kiến của bà đối với yêu cầu của A1 và tại phiên tòa bà H vắng mặt không có lời trình bày nên HĐXX không có cơ sở để xem xét ý kiến của bà H. Do đó, HĐXX căn cứ vào các

tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 BLTTDS để giải quyết vụ án.

Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và toàn bộ yêu cầu khởi kiện của A1. Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho A1 số tiền gốc và lãi tính đến ngày 11/4/2023 là 380.628.281 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm tám mươi mốt đồng*), trong đó số tiền gốc là 264.149.866 đồng, tiền lãi trong hạn là 77.130.611 đồng và tiền lãi quá hạn là 39.347.804 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, bà H tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng đã ký kết với A1 sau ngày 11/4/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho A1 (380.628.281 đồng x 5%) là 19.031.414 đồng (*Mười chín triệu, không trăm ba mươi mốt nghìn, bốn trăm mười bốn đồng*).

- Do yêu cầu của A1 được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí mà A1 đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị H trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (A1) số tiền gốc và lãi tính đến ngày 11/4/2023 là 380.628.281 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm tám mươi mốt đồng*), trong đó số tiền gốc là 264.149.866 đồng, tiền lãi trong hạn là 77.130.611 đồng và tiền lãi là 39.347.804 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, bà H tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết sau ngày 11/4/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ cho A1.

Trường hợp bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi án có hiệu lực thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (A1) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên bán đấu giá tài sản theo Hợp

đồng thể chấp tài sản số 120/18/TC/XXIII ngày 30/5/2018 để đảm bảo thu hồi nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (A1).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí là 19.031.414 đồng (Mười chín triệu, không trăm ba mươi một nghìn, bốn trăm mười bốn đồng).

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (A1) số tiền 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009715 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 12/4/2023).

Bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Châu Thành;
- THAND H. Châu Thành;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Cẩm Linh